

Theo thống kê sơ bộ đến cuối năm 1991 số lượng các xí nghiệp quốc doanh (XNQD) của nước ta có khoảng 12.084 đơn vị. Trong đó, các xí nghiệp do trung ương quản lý là 1.695 đơn vị, địa phương quản lý 10.389 đơn vị. Tại TP. HCM có 1.452 XNQD, trong đó do trung ương quản lý 602 xí nghiệp, phần còn lại do địa phương quản lý. Các xí nghiệp này chiếm 70% vốn sản xuất, đóng góp được 34,5% sản phẩm xã hội và 26,3% thu nhập quốc dân. Tỷ lệ sinh lợi của vốn cố định vào khoảng 7%/năm. Số xí nghiệp thua lỗ chiếm 38%, trong đó số xí nghiệp của các quận, huyện khoảng 65%.

Nhìn chung, hiệu quả hoạt động của các XNQD rất kém. Nguyên nhân do hậu quả của cơ chế tập trung bao cấp còn nặng, cơ chế quản lý mới chưa được xác lập một cách đầy đủ và đồng bộ, luật pháp của Nhà nước còn thiếu và việc chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

phá sản... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp.

2. Nhà nước xây dựng và thực thi chính sách tài chính năng động, thích ứng với cơ chế thị trường

2.1. Về ngân sách nhà nước :

Để giúp đỡ các XNQD cũng như các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác, Nhà nước nên dùng quỹ của ngân sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cấp phát cho sự nghiệp hoạt động kinh tế (điều tra, thăm dò tài nguyên, xây dựng các khu chế xuất, các vùng kinh tế mới), cho các hoạt động cung cấp thông tin, dự báo...

Cần lập quỹ đầu tư phát triển riêng để cho các xí nghiệp vay (với lãi suất ưu đãi) để đổi mới kỹ thuật và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Quỹ này sẽ được bổ sung bằng nguồn tiền thu được do cổ phần hóa các XNQD sau này.

đáp ứng yêu cầu lưu thông hàng l

- Tăng nguồn dự trữ ngoại tệ
- Chấm dứt việc phát hành để bù thiếu hụt ngân sách.

2.3. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chính sách thuế :

Mọi doanh nghiệp (không thuộc thành phần kinh tế nào) có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà n. Vì vậy chính sách thuế có tác d rất lớn đến hoạt động sản xuất l doanh của xí nghiệp. Thông chính sách thuế, Nhà nước c chỉnh cơ cấu kinh tế, kích thích l hạn chế các hoạt động sản xuất l doanh của từng ngành, từng lĩnh

Chính sách thuế của ta hiện còn nhiều bất hợp lý, vừa thất vừa lạm thu (thuế chồng lên th chưa công bằng giữa xí nghiệp tr nước và các xí nghiệp có vốn đầu của nước ngoài.

Phương hướng chung là tiếp sửa đổi, hoàn thiện chính sách t theo hướng mở rộng "điện" đ

ĐIỀU KIỆN VĨ MÔ ĐỂ PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

GS. TS. TRẦN VĂN CHÁ

Để các XNQD có điều kiện thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường, cần có các điều kiện vĩ mô, thuộc chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, như sau:

1. Xây dựng và thực thi một hệ thống pháp luật

Theo dự kiến của ngành luật trong năm 1993 sẽ có 12 luật và 2 bộ luật được trình Quốc hội. Có 20 pháp lệnh cần được thông qua. Đến tháng 6.1993 sẽ trình Quốc hội bộ luật lao động và luật dân sự, luật doanh nghiệp nhà nước đang được tích cực chuẩn bị sẽ trình vào năm 1994.

Nhìn chung, hệ thống luật pháp của nước ta hiện nay chưa đầy đủ và đồng bộ. Bộ máy thực thi pháp luật chưa hình thành. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho việc thực thi pháp luật không nghiêm. Chưa kể khi hướng dẫn thi hành luật, một vài Bộ, địa phương tự tiện quy định những điều mà trong luật không có.

Do đó, Nhà nước cần ban hành sớm các bộ luật như: luật dân sự, luật doanh nghiệp nhà nước, luật lao động, luật đầu tư trong nước, luật

2.2. Về chính sách tiền tệ của Nhà nước :

Chính sách tiền tệ là một trong những công cụ cực kỳ lợi hại trong việc thực hiện chức năng điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Mục tiêu cơ bản và quan trọng của chính sách tiền tệ là tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tiến hành một cách thuận lợi trên cơ sở giữ vững và nâng giá trị đồng tiền trong nước.

Nhà nước cần củng cố và phát triển hệ thống ngân hàng (bao gồm ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại) có khả năng thực hiện các nhiệm vụ theo thông lệ quốc tế. Để điều tiết lưu thông tiền tệ, ngân hàng trung ương áp dụng các biện pháp như:

- Quy định tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với hệ thống ngân hàng thương mại;
- Quy định lãi suất cho vay, lãi suất chiết khấu và tái chiết khấu;
- Thông qua việc mua bán trái phiếu có giá và lãi suất để điều tiết hệ thống ngân hàng thương mại mở rộng hoặc thu hẹp tín dụng;
- Xác định tỷ giá hối đoái một cách chủ động;
- Cung cấp lượng tiền mặt đủ

thuế, hạ bớt mức thuế, thu hẹp chênh lệch giữa các mức thuế. Khi điều kiện sẽ sử dụng thuế TVA t cho thuế doanh nghiệp hiện. Trước mắt đề nghị Nhà nước t hiện một số biện pháp như:

- Giảm mức thuế doanh thu với một số hàng tiêu dùng được s xuất trong nước. Tăng thuế nh khẩu đối với hàng nhập cùng l (đây cũng là biện pháp quan trọng chống buôn lậu).

- Thực hiện mức thuế lợi tức 20-25% (mức cũ 30; 40,5%).

- Giảm, miễn thuế 1-2 năm đ cho các xí nghiệp có vốn lớn, sử dụ nhiều lao động;

- Áp dụng mức thuế nhập kh thiết bị, máy móc, vật liệu, phụ t trong nước chưa sản xuất được 0-1%;

- Miễn thuế lợi tức cho phần l nhuận tái đầu tư để mở rộng s xuất;

- Chống thất thu thuế (nhất khu vực ngoài quốc doanh);

- Bồi dưỡng nâng cao trình đ sàng lọc đội ngũ ngành thuế, chố các hiện tượng tiêu cực...

3. Cải cách chế độ tiền lương, BHXH

làm tạo động lực phát triển sản xuất tại các XNQD

Hiện tại công nhân viên chức của các XNQD hưởng lương theo nghị định 235/HDBT ngày 18.8.1985, với mức lương tối thiểu 220 đ/tháng. Cho đến nay mặc dù đã qua nhiều lần điều chỉnh, nhưng do lạm phát tăng nhanh 1989/ 1985 chỉ số trượt giá tăng 227 lần, trong khi lương danh nghĩa theo quy định tăng 102,27 lần khiến cho lương thực tế của công nhân viên chức chỉ bằng 45% so với mức năm 1985. Do đó, đời sống của đại bộ phận công nhân viên chức các XNQD gặp rất nhiều khó khăn.

Tiền lương hiện nay vừa bình quân vừa phân cực mất tác dụng đòn bẩy kinh tế, triệt tiêu động lực phát triển.

Để cải cách chế độ tiền lương, chúng tôi đề nghị:

3.1. Về quan điểm:

Gắn chính sách tiền lương với các chính sách kinh tế - tài chính khác (giá cả, thuế, tiền mặt, lạm phát, đời sống, việc làm, chính sách xã hội...), tuân thủ quy luật phân phối theo lao động, coi trọng quy luật giá trị, cung - cầu sức lao động. Coi sức lao động là hàng hóa và tiền lương thực chất là tiền công trả cho người lao động (tức giá cả sức lao động).

3.2. Về nội dung chế độ tiền lương:

- Thu gọn hệ thống thang, bảng lương theo 3 khu vực: sản xuất kinh doanh - dịch vụ; hành chính sự nghiệp; quản lý nhà nước.

- Thang, bảng lương nên đơn giản, dễ hiểu.

- Bãi bỏ lương chức vụ, thay bằng phụ cấp chức vụ.

3.3. Về quản lý chế độ tiền lương:

- Nhà nước quy định mức lương tối thiểu. Coi các thang, bảng lương là các khung định hướng;

- Dùng thuế thu nhập để điều tiết mức chênh lệch quá đáng.

- Thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp, tuổi già.

- Thực hiện chế độ mỗi người lao động tự mua bảo hiểm tai nạn, ốm đau, về hưu và đủ sống 10 năm sau khi hết tuổi lao động.

Mục đích của việc cải cách chế độ tiền lương nhằm phát huy tác dụng đòn bẩy kinh tế của nó, khuyến khích người lao động vì lợi ích thiết thân của mình mà phấn đấu tăng năng suất lao động. Nâng cao trình độ nghề nghiệp, cải thiện đời sống.

Nhà nước phải bảo đảm quyền tự chủ thực sự trong sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, đặc biệt là quyền tự chủ về tài chính

Quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của xí nghiệp bao gồm: Quyền xác định nhiệm vụ và quy mô sản xuất (sản xuất sản phẩm gì? cho ai? bằng cách nào?) - Quyền quyết định loại hình sản xuất hoặc dịch vụ không bị hạn chế bởi chức năng và địa bàn hoạt động - Quyền trao đổi, mua bán sản phẩm theo giá thỏa thuận: mua bán hoặc cho thuê TSCĐ - Quyền hợp tác, liên doanh với các xí nghiệp trong và ngoài nước, vay vốn tại các ngân hàng...

Cần nhấn mạnh rằng quyền tự chủ về tài chính không những thực sự khuyến khích các xí nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, mà còn nói rõ trách nhiệm vật chất của họ. Kiên quyết giải thể (sáp nhập, cho thuê, bán) các xí nghiệp thua lỗ kéo dài.

5. Từng bước thực hiện cổ phần hóa (CPH) khi đủ điều kiện và coi đây là hướng đi đúng để nâng cao hiệu quả hoạt động của các xí nghiệp quốc doanh

Cần chấn chỉnh và tổ chức lại sản xuất kinh doanh trong khu vực kinh tế quốc doanh (QĐ 315/HDBT ngày 1.9.1990). Trong đó việc thực hiện CPH các XNQD là một biện pháp rất quan trọng (QĐ 143/HDBT).

5.1. Tính chất khách quan của việc thực hiện CPH các xí nghiệp quốc doanh: là thúc đẩy quá trình xã hội hóa tư liệu sản xuất, thu hút vốn nhân rồi, phân tán trong xã hội để đầu tư phát triển nền kinh tế hàng hóa ở bước cao hơn.

5.2. Tác dụng của hình thức CPH:

- Tách được quyền sở hữu và quyền sử dụng tư liệu sản xuất, chức năng quản lý về kinh tế của Nhà nước với chức năng kinh doanh.

- Gắn lợi ích của người lao động với lợi ích của công ty, nâng cao tinh thần "làm chủ" của công nhân viên chức.

- Đổi mới cơ chế quản lý xí nghiệp làm cho nó năng động, thích ứng với thị trường.

Để khắc phục tình trạng quốc doanh hóa tràn lan và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh kém cỏi, việc thực hiện CPH các XNQD là một chủ trương đúng. Nhưng hiện nay ta còn thiếu những điều kiện cần thiết như:

- Sản xuất nhỏ, phân tán là phổ biến, sự hoàn thiện cơ chế quản lý và chức năng điều tiết vĩ mô của Nhà nước còn yếu.

- Chưa xây dựng được thị trường chứng khoán, người dân chưa quen với việc mua bán cổ phiếu. Các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm chưa sẵn sàng.

- Nhà nước chưa thành lập một tổ chức chuyên trách việc thực hiện

CPH các XNQD và ban hành một đạo luật về CPH.

- Công nhân viên chức còn ngại vì sợ thất nghiệp, giám đốc lo mất chức, mất quyền...

Do những trở ngại kể trên mà việc CPH các XNQD cho đến nay chưa có tiến bộ đáng kể. Để từng bước thực hiện việc này chúng tôi xin góp một số ý kiến.

5.3. Phương hướng, biện pháp thực hiện CPH:

a. Nhà nước cần thành lập một tổ chức chuyên trách về CPH các XNQD (có thể gọi là Ủy ban nhà nước về CPH). Thành phần của Ủy ban này bao gồm: Bộ tài chính, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ lao động... Ủy ban này xây dựng và trình Quốc hội một đạo luật về CPH các XNQD, đề xuất tiến độ và phương pháp thực hiện CPH.

b. Chọn đối tượng thích hợp để CPH trước (xí nghiệp có triển vọng kinh doanh tốt, có lợi tức cao, phát triển ổn định...). Các xí nghiệp được chọn không thuộc các ngành, lĩnh vực quan trọng mà Nhà nước cần nắm, nhằm khuyến khích người mua cổ phiếu.

c. Đánh giá TSCĐ, xác định vốn lưu động, kết quả sản xuất kinh doanh, thu nhập và phân phối thu nhập của xí nghiệp nhằm xác định mệnh giá cổ phiếu. Ban vận động thành lập công ty sẽ bàn với đại diện Bộ tài chính, tiếp nhận hoặc thuê những TSCĐ nào, còn lại giao Nhà nước. Phần công nợ có thể bán TSCĐ để thanh toán, hoặc khoanh lại để trả sau.

d. Đánh giá, phân loại lực lượng lao động; chọn lựa, giữ lại những cán bộ, công nhân ưu tú và phần còn lại giải quyết theo tinh thần Quyết định 176/HDBT.

e. Xây dựng luận chứng kinh tế kỹ thuật cho công ty mới.

g. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi, tạo điều kiện giúp đỡ các công ty cổ phần, Nhà nước chỉ mua cổ phiếu không quá 30% số vốn. Đồng thời, Nhà nước giữ lại một số đặc quyền trong Hội đồng quản trị, trong việc cử giám đốc công ty.

h. Nhà nước cần ban hành một hệ thống pháp luật: luật CPH, luật thể chấp tài sản, luật lao động, luật phá sản, luật cho phép người nước ngoài và Việt kiều mua cổ phiếu...

Việc CPH các XNQD đối với nước ta là vấn đề mới và phức tạp. Nhưng nếu có chính sách đúng, cách làm đúng, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, làm thử và sau đó mở rộng diện nhất định chúng ta sẽ làm được.

(Kỳ sau: Điều kiện vĩ mô để phát triển các loại doanh nghiệp trong cơ chế thị trường)